

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TP. P**

**TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Bản án số: 53/2018/ HNGĐ- ST

Ngày: 16-10-2018

V/v tranh chấp “ly hôn”, “nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM**

**TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ninh Thị Kiều Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Lam- Ông Trần Quốc Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Trường- Thư ký Tòa án.

**- Kiểm sát viên VKSND thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn”, “nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1969 (*có mặt*)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế V, sinh năm: 1971 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: phường Đ, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bà Phạm Thị L kết hôn với ông Nguyễn Thế V trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 6x ngày 18/6/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P.

**Bà Phạm Thị L- nguyên đơn- trình bày:**

Vợ chồng bà sống chung có cưới hỏi từ năm 1991, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà về sống tại gia đình chồng ở xã T, sau đó cất nhà ở riêng tại phường Đ vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông V thường xuyên nhậu nhẹt gây gổ với bà, mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm, vợ chồng sống chung một nhà nhưng ko ai quan tâm đến ai.

Bà L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vào ngày 16/5/2018, yêu cầu ly hôn ông V, yêu cầu ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Phạm T, sinh ngày 01/6/2003, bà không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con lớn là Nguyễn Thị Th sinh năm 1992 đã có gia đình, sống tự lập được.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn- ông Nguyễn Thế V trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2018:**

Ông cho rằng vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng không lớn. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

Biên bản xác minh tại Ban quản lý khu phố 1 phường Đ xác nhận: vợ chồng bà L có mâu thuẫn trong vấn đề hôn nhân nhưng không quá lớn, đủ khả năng hàn gắn lại được. Ông V đang là giáo viên nên thường xuyên vắng nhà vào giờ hành chính, đến chiều tối ông V mới có mặt tại nhà.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thế V là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 18/6/2001 tại Ủy ban nhân dân

xã T, thành phố P. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông V yêu cầu xét xử vắng mặt.

[2] Xét thấy: bà L trình bày cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ông V hay uống rượu say về ngược đãi vợ con, nếu ly hôn ông V và bà sẽ vẫn ở chung nhà, cháu T để ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy lời khai của bà khá mâu thuẫn, khi bà vẫn chọn giải pháp sống chung sau khi ly hôn và để ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên mặc dù tình trạng mâu thuẫn theo bà thực sự trầm trọng và ông V hay bạo hành vợ con. Ông V cũng như Ban quản lý khu phố thừa nhận vợ chồng ông V và bà L có mâu thuẫn trong hôn nhân, nhưng không lớn và có thể hàn gắn được, bà L không xuất trình được chứng cứ chứng minh vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Vì không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không giải quyết quan hệ con chung và tài sản chung

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, “trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu”, do đó, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Áp dụng:* Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

*Về án phí:*

Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016859 ngày 17

tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TP. P;
- VKSND TP.P;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**



